TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Cương

2. Ông Trần Thành Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 78/2024/TLST - HNGĐ, ngày 21/02/2024 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 16/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST - HNGĐ ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vì Thị A, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn B, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản N1, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/02/2024 và các tài liệu thể hiện lời khai nguyên đơn chị Vì Thị A trình bày: Chị và anh Lò Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La vào ngày 20/5/2020, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì anh Lò Văn B đã vi phạm pháp luật về ma túy và đã đi chấp hành án trở về, từ đó hai vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi cọ do bất đồng quan điểm sống, không cùng chí hướng, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng không được, cuộc sống vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân được hơn 02 năm. Chị thấy không còn tình cảm với anh B nữa, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Lò Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh B có 01 người con chung là Lò Thị J - sinh ngày 10/01/2019. Khi ly hôn chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Chị và anh B không có nợ chung; còn tài sản chung không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lò Văn B hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định nhưng anh B đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị A đối với anh.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh B cư trú, kết quả: sau khi kết hôn thì vợ chồng chị A – anh B về chung sống với nhau được một thời gian ngắn tại bản Nà Cần, xã C, huyện Y thì sống ly thân đến nay và không thấy sống chung với nhau nữa. Hiện nay anh B vẫn đăng ký cư trú tại bản Nà Cần, xã C, huyện Y; tuy nhiên, anh B đang đi làm thuê ở nhiều nơi khác nhau, không thường xuyên có mặt ở nhà; vợ chồng chị A - anh B có 01 con chung là Lò Thị J - sinh ngày 10/01/2019, hiện nay con chung đang sống cùng chị A.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, chị A đã có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B, chị A là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị A, xử cho chị A được ly hôn anh B. Giao cho chị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lò Thị J - sinh ngày 10/01/2019 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A. Chị A khai không có nợ chung, tài sản chung không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị A nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị A đối với anh Lò Văn B cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La nên được được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi chị A có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo phiên hòa giải, thông bán hoãn phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ theo đúng quy định cho anh Lò Văn B nhưng anh B đều không có mặt, chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị A và anh Lò Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La vào ngày 20/5/2020 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 xác định việc kết hôn là đúng theo các quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị A và anh B đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, chị A và anh B đã sống ly thân với nhau được hơn 02 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh Lò Văn B không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Vì Thị A thể hiện ý chí thiếu trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị A ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị A và anh B có 01 con chung là Lò Thị J - sinh ngày 10/01/2019, chị A có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng; từ khi chị A và anh B ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung vẫn do chị A thực hiện con chung vẫn được chị A chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho con chung, để trẻ nhỏ có thể phát triển tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu của chị A tiếp tục giao cho chị A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai nhận không có nợ chung, tài sản chung không kê khai nên không yêu cầu Tòa giải quyết, anh B không cho ý

kiến gì. Do vậy, Tòa án không giải quyết trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Vì Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vì Thị A đối với anh Lò Văn B.

- Xử cho chị Vì Thị A được ly hôn anh Lò Văn B.

- Giao con chung là Lò Thị J - sinh ngày 10/01/2019 cho chị Vì Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật.

Anh Lò Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vì Thị A và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Vì Thị A phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000795 ngày 21/02/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Vì Thị A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vì Thị A, anh Lò Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Nhung

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thành Vân **Hà Văn Cương** **Hoàng Thị Nhung**

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thành Vân **Hà Văn Cương** **Hoàng Thị Nhung**